

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 695/QĐ-TTg ngày 21 tháng 5 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành kế hoạch triển khai thực hiện Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;


Xét đề nghị của liên Sở: Tài nguyên và Môi trường - Tài chính tại Tờ trình số 192/TTLS-TNMT-TC ngày 01 tháng 6 năm 2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Nông (có danh mục kèm theo).

Điều 2. Căn cứ vào Danh mục dịch vụ sự nghiệp công quy định tại Điều 1 của Quyết định này và tình hình cụ thể tại đơn vị, Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện đặt hàng hoặc tổ chức đấu thầu cung cấp dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Nội vụ, Kế hoạch và Đầu tư; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / 

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NN, KTKH (TT).



Nguyễn Bốn

**DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG SỰ ĐĂNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
THUỘC LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Quyết định số 910/QĐ-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

1. Hoạt động thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin:

Xây dựng cơ sở dữ liệu và xây dựng phần mềm hỗ trợ việc xây dựng cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường.

2. Hoạt động thuộc lĩnh vực đất đai:

2.1. Lập và điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh và cấp huyện;

2.2. Thống kê, kiểm kê đất đai và thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã;

2.3. Điều tra, đánh giá chất lượng đất, thoái hóa đất toàn tỉnh; xây dựng bảng giá các loại đất, giá đất cụ thể;

2.4. Đo đạc, thành lập bản đồ địa chính các tỷ lệ; Đo đạc, thành lập bản đồ địa hình các tỷ lệ;

2.5. Kiểm tra chất lượng công trình đo đạc và bản đồ;

2.6. Đăng ký thống kê, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho các tổ chức, hộ gia đình và cá nhân;

2.7. Xây dựng cơ sở dữ liệu đo đạc và bản đồ, cơ sở dữ liệu quản lý đất đai của tỉnh;

3. Hoạt động thuộc lĩnh vực tài nguyên nước:

3.1. Lập quy hoạch và điều chỉnh quy hoạch tài nguyên nước;

3.2. Điều tra, đánh giá hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên nước;

3.3. Điều tra, đánh giá hiện trạng xả nước thải và khả năng tiếp nhận nước thải của nguồn nước;

3.4. Điều tra, đánh giá tài nguyên nước;

3.5. Khảo sát, đo đạc tài nguyên nước trong phạm vi toàn tỉnh;

3.6. Lập quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông;

3.7. Quan trắc mạng lưới tài nguyên nước;

3.8. Lập danh mục và cắm mốc nguồn nước cần bảo vệ;

3.9. Thông tin, lưu trữ tư liệu về tài nguyên nước.

4. Hoạt động thuộc lĩnh vực môi trường:

4.1. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ hàng năm; xây dựng hệ thống thông tin môi trường và báo cáo môi trường; Hoạt động quan trắc và phân tích môi trường không khí xung quanh và môi trường nước mặt của tỉnh;

4.2. Hoạt động quan trắc và phân tích môi trường đất, nước dưới đất;

4.3. Hoạt động quan trắc và phân tích môi trường nước thải, khí thải và phóng xạ;

4.4. Thành lập bản đồ môi trường (không khí, nước mặt lục địa, nước biển) xây dựng bằng phương pháp sử dụng bản đồ nền cơ sở địa lý kết hợp với đo đạc, quan trắc bổ sung số liệu ngoài thực địa.

4.5. Lập Báo cáo hiện trạng môi trường của tỉnh 05 năm một lần.

4.6. Quy hoạch bảo vệ môi trường cấp tỉnh, quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh; Đánh giá môi trường chiến lược đối tượng.

5. Hoạt động thuộc lĩnh vực khí tượng, thủy văn và biến đổi khí hậu:

5.1. Điều tra khảo sát khí tượng, thủy văn;

5.2. Điều tra cơ bản mạng lưới trạm khí tượng, thủy văn;

5.3. Công tác tư liệu khí tượng, thủy văn (chỉnh lý, bảo quản, số hoá tài liệu lưu trữ);

6. Hoạt động thuộc lĩnh vực Địa chất và Khoáng sản:

6.1. Điều tra cơ bản về địa chất và tài nguyên khoáng sản;

6.2. Điều tra, đánh giá tai biến địa chất, địa chất công trình, địa chất đô thị, địa chất môi trường, địa chất cảnh quan, công viên địa chất;

6.3. Thăm dò khoáng sản theo yêu cầu của tỉnh;

6.4. Quan trắc môi trường phóng xạ các mỏ khoáng sản, các tai biến địa chất;

6.5. Công tác thông tin, lưu trữ, bảo tàng địa chất, bảo quản mẫu vật địa chất, khoáng sản;

6.6. Thống kê, kiểm kê tài nguyên, trữ lượng khoáng sản;

6.7. Đánh giá giá trị kinh tế các mỏ khoáng sản;

6.8. Xây dựng chiến lược khoáng sản; quy hoạch khoáng sản; quy hoạch điều tra cơ bản về địa chất và khoáng sản; khu vực cấm, tạm cấm và khu vực dự trữ khoáng sản; khu vực đấu giá quyền thăm dò, khai thác khoáng sản./.